

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ & KINH DOANH THỰC PHẨM**  
**CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ & KINH DOANH THỰC PHẨM**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**KT02006: NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ (PRINCIPLES OF STATISTICS)**

**I. Thông tin về học phần**

- Học kì: 1
- Tín chỉ: **3 (3-0-6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết và làm bài tập trên lớp: 36 tiết
  - + Thuyết trình bài tập nhóm trên lớp: 9 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Phân tích định lượng
  - Khoa: Kinh tế và Phát triển nông thôn

- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh  Tiếng Việt

**II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng**

*\* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:*

<b>Khối kiến thức</b>	<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Chỉ báo</b>
Kiến thức chung	CĐR1: <b>Áp dụng</b> tri thức của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội & nhân văn trong đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm.	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên để giải quyết vấn đề trong đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
Kỹ năng chung	CĐR8: <b>Sử dụng</b> tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh thực phẩm một cách hiệu quả.	8.2. Sử dụng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm
Kỹ năng chuyên môn	CĐR12: <b>Xây dựng</b> phương án giải quyết các tình huống thực tiễn trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm.	12.2. Xây dựng phương án giải quyết các tình huống thực tiễn trong kinh doanh thực phẩm.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	CĐR14: <b>Thể hiện</b> trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ các quy định và luật về sản xuất và <u>kinh doanh</u> thực phẩm.	14.1. Thể hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp
--------------------------------	---	--

### III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

\* **Mục tiêu:** Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên:

- Về kiến thức: sinh viên có thể hiểu và nắm được các khái niệm cơ bản về lý thuyết thống kê, ứng dụng những kiến thức thống kê trong việc thu thập thông tin thứ cấp và số liệu sơ cấp; tổng hợp và trình bày dữ liệu; sử dụng thống kê suy luận để rút ra kết luận cho tổng thể từ thông tin của mẫu; ứng dụng những kiến thức của thống kê trong tính toán và phân tích các chỉ tiêu kinh tế xã hội; sử dụng phân tích tương quan trong kinh tế và xã hội.
- Về kỹ năng: Thu thập được tài liệu, trình bày được tài liệu và phân tích được tài liệu thống kê.
- Về thái độ: Có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu liên quan đến kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

\* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

*I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)*

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT			
KT02006	Nguyên lý thống kê kinh tế	1.1	8.2	12.2	14.1
		I	I	I	P

Kí hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>		
K1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về lý thuyết thống kê, phương pháp tính toán các chỉ tiêu thống kê trong phân tích mức độ hiện tượng kinh tế xã hội và biến động hiện tượng kinh tế xã hội.	1.1
K2	Vận dụng thống kê trong quá trình thu thập, xử lý, tổng hợp và trình bày tài liệu.	1.1, 8.2, 12.2
K3	Phân tích và đánh giá các hiện tượng kinh tế xã hội bằng thống kê	1.1, 8.2, 12.2
<b>Kỹ năng</b>		
K4	Thiết kế phiếu điều tra, thu thập, trình bày và phân tích dữ liệu thống kê một cách thành thạo	1.1, 8.2, 12.2
K5	Sử dụng thành thạo những công cụ thống kê cơ bản, các phần mềm như EXCEL, SPSS	1.1, 8.2
K6	Tư duy phân tích và phản biện trong sử dụng kết quả thống kê vào đánh giá tình hình kinh tế xã hội	8.2, 12.2
<b>Thái độ và phẩm chất đạo đức</b>		
K7	Có ý thức học tập, chủ động trong học tập, cập nhật thông tin, tìm kiếm và khai thác dữ liệu, thông tin và các nguồn tài liệu khác để tiếp cận với khoa học hiện đại	14.1

### III. Nội dung tóm tắt của học phần

**KT02006: Nguyên lý thống kê kinh tế (3TC:3-0-6, 135):** Học phần gồm 7 chương với nội dung: Giới thiệu thống kê học; Thu thập thông tin thống kê; Tổng hợp và trình bày tài liệu thống kê; Thống kê mức độ hiện tượng kinh tế xã hội; Điều tra chọn mẫu; Phân tích biến động hiện tượng kinh tế xã hội; Phân tích tương quan và hồi quy.

#### IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

##### 1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Giảng dạy thông qua thảo luận

##### 2. Phương pháp học tập

Nghe giảng, làm bài tập và thuyết trình bài tập nhóm.

#### V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự học trên lớp: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự học trên lớp tối thiểu 75% theo quy chế của Bộ GD&ĐT.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi đến lớp học theo yêu cầu của giảng viên.
- Bài tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia làm bài tập nhóm.
- Thi cuối kì: Những sinh viên đủ điều kiện được tham gia thi cuối kì.

#### VI. Đánh giá và cho điểm

##### 1. Thang điểm: 10

##### 2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

##### 3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	Nội dung/Tiêu chí đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
<b>Đánh giá quá trình</b>				
Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp	Thái độ tham dự Thời gian tham dự	K7	10	1-10
Rubric 2: Làm và trình bày bài tập nhóm	Thời gian và thái độ tham gia họp nhóm Chất lượng sản phẩm giao nộp	K1; K2; K3; K4; K5;K6	30	1-10
<b>Đánh giá cuối kì</b>				
Rubric 3: Đánh giá thi cuối kì	Nội dung đánh giá theo đề thi	K1; K2; K3; K4; K5;K6	60	Theo lịch thi của Học viện

##### Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%
Thái độ tham dự	20	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia
Thời gian tham dự	80	Vắng một buổi học trừ 1 điểm và phải đi học đủ số giờ theo quy định		

##### Rubric 2: Đánh giá giữa kỳ

##### Cách 1: Làm và trình bày bài tập nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thời gian và thái độ tham gia họp nhóm	40	Nhóm tự đánh giá			
Chất lượng sản phẩm giao nộp	60	Sáng tạo/Đáp ứng tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng khá tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng một phần yêu cầu của nhóm, có điều chỉnh theo góp ý	Không sử dụng được

Cách sử dụng:

- GV giải thích Rubric cho tất cả SV trước khi tổ chức SV làm việc nhóm

- Mỗi SV được nhóm đánh giá bằng 1 phiếu Rubric này, nhóm cùng ký tên và gửi lại cho GV. SV vắng buổi họp đánh giá của nhóm xem như không có ý kiến về kết quả đánh giá.
- GV chấm điểm bài làm của nhóm và căn cứ vào kết quả đánh giá của nhóm về mỗi SV để tính thành điểm riêng của SV.

Điểm cá nhân = điểm bài làm của nhóm x kết quả nhóm đánh giá cá nhân (qui thành %)

### Cách 2: Thi giữa kì ở dạng bài thi tự luận

<b>3. THI GIỮA MÔN HỌC</b>				
<i>Tiêu chí</i>	<i>Giỏi</i>	<i>Khá</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Kém</i>
Thái độ tham gia	Nghiêm túc làm bài (không trừ điểm)	Trao đổi bài >2 vài lần và bị nhắc nhở lần 1 (trừ 50% điểm kiểm tra)	Trao đổi bài bị nhắc nhở 2 lần (trừ 70% điểm kiểm tra)	Quay cốp, trao đổi bài bị nhắc nhở 3 lần (0)
Nội dung kiểm tra (lý thuyết + bài tập)	Theo ba rem điểm của Đề kiểm tra			

### Rubric 3: Đánh giá thi cuối kì

Thi cuối kì: dạng bài thi tự luận

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi</b>	<b>KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi</b>
Thu thập thông tin thống kê	- Các loại điều tra không toàn bộ	K1
Tổng hợp và trình bày tài liệu thống kê	- Làm bài tập phân tổ thống kê; - Làm bài tập tính tần số, tần suất; - Trình bày tài liệu thống kê thành bảng	K1, K2, K4, K7
Thống kê mức độ hiện tượng kinh tế xã hội	- Nêu tên các loại số tương đối, số bình quân, các đặc trưng đo lường độ phân tán - Bài tập tính các loại số tương đối; - Bài tập tính các loại số bình quân; - Ý nghĩa của phương sai, độ lệch chuẩn; - Bài tập tính phương sai, độ lệch chuẩn và rút ra nhận xét về tính đại diện của số bình quân	K1, K3, K6, K7
Điều tra chọn mẫu	- Các phương pháp chọn mẫu	K1
Thống kê biến động hiện tượng kinh tế xã hội	- Khái niệm và ý nghĩa dãy số biến động theo thời gian - Khái niệm và công thức của các chỉ tiêu phân tích trong dãy số biến động theo thời gian - Bài tập tính các chỉ tiêu tính toán trong dãy số biến động theo thời gian - Khái niệm chỉ số, hệ thống chỉ số - Khái niệm và công thức chỉ số chung, chỉ số cá thể, chỉ số tổng hợp - Bài tập tính chỉ số cá thể - Bài tập tính chỉ số chung - Bài tập tính chỉ số tổng hợp - Bài tập hệ thống chỉ số - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến biến động của tổng thể, biến động của số bình quân	K1, K3, K6, K7
Phân tích mối quan hệ tương quan	- Khái niệm về tương quan, tương quan hạng; - Ý nghĩa của số tương quan; - Bài tập tính số tương quan; - Bài tập kiểm định hệ số tương quan	K1, K3, K6, K7

<b>3. THI CUỐI KỲ</b>				
<i>Tiêu chí</i>	<i>Giỏi</i>	<i>Khá</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Kém</i>

Thái độ tham gia (trừ theo lỗi vi phạm)	Nghiêm túc làm bài (không trừ điểm)	Trao đổi bài > 2 lần và bị nhắc nhở lần 1 (trừ 50% điểm kiểm tra)	Trao đổi bài bị nhắc nhở 2 lần (trừ 70% điểm kiểm tra)	Quay cóp, trao đổi bài bị nhắc nhở 3 lần (0 điểm)
Nội dung thi (100%)	Theo ba rem điểm của Đề thi			

#### 4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Không tham gia thi giữa kỳ, điểm giữa kỳ sẽ nhận điểm 0
- Không tham gia thi cuối kỳ, điểm cuối kỳ sẽ nhận điểm 0
- Đi học chăm chỉ, đúng giờ, tối thiểu đạt 75% ở trên lớp, không khiếm nhã với giáo viên, không gây mất trật tự trong lớp

#### VII. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

Giáo trình/bài giảng

1. Ngô Thị Thuận, Nguyễn Hữu Ngoan, Phạm Văn Hùng (2006): Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế; Nhà xuất bản Nông nghiệp 2006

Các tài liệu tham khảo khác:

1. Hà Văn Sơn (2004): Giáo trình lý thuyết thống kê; Nhà xuất bản thống kê 2004
2. Trần Thị Kỳ, Nguyễn Văn Phúc (2011): Nguyên lý thống kê; Nhà xuất bản lao động 2011
3. Nguyễn Quyết (2010): Giáo trình nguyên lý thống kê; Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TPHCM 2010
4. Đinh Phi Hồ và cs (2017): Thống kê ứng dụng trong kinh doanh; Nhà xuất bản Tài chính
5. Website của Tổng cục Thống kê, <http://www.gso.gov.vn/>

#### VIII. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	<p><b>Chương 1. Giới thiệu môn học</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết (3 tiết)</b></p> <p>1.1 Khái niệm thống kê</p> <p>1.2 Đối tượng nghiên cứu của thống kê</p> <p>1.3 Phương pháp nghiên cứu của thống kê</p> <p>1.4 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê</p> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà (6 tiết)</b></p> <p>Đọc tài liệu liên quan đến chương 1</p>	K1, K7
2,3	<p><b>Chương 2. Thu thập thông tin thống kê</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết (4 tiết)</b></p> <p>2.1 Thông tin thống kê</p> <p>2.2 Phương pháp thu thập dữ liệu ban đầu</p> <p>2.3 Kế hoạch thu thập thông tin</p> <p>2.4 Sai số trong thu thập số liệu</p> <p><b>Nội dung thảo luận nhóm (1 tiết)</b></p> <p>Thực hành thiết kế phiếu điều tra với chủ đề giảng viên cung cấp</p> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà (10 tiết)</b></p> <p>Đọc tài liệu liên quan đến chương 2</p> <p>Làm bài tập về thu thập thông tin thống kê</p>	K1, K2, K4, K7
3,4,5,6	<p><b>Chương 3. Tổng hợp và trình bày tài liệu thống kê</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết (6 tiết)</b></p> <p>3.1 Tổng hợp thống kê</p> <p>3.2 Phân tổ thống kê</p> <p>3.3 Trình bày số liệu thống kê</p>	K1, K2, K4, K5

	<p><b>Làm bài tập trên lớp: (1 tiết)</b>          Làm bài tập về tổng hợp, phân tổ thống kê và trình bày tài liệu thống kê</p> <p><b>Nội dung thực hành nhóm: (1 tiết)</b>          Thực hành tổng hợp, xử lý số liệu và phân tổ thống kê sử dụng phần mềm Excel.</p> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà (16 tiết)</b>          Đọc tài liệu liên quan đến chương 3          Làm bài tập về tổng hợp, phân tổ và trình bày tài liệu thống kê</p>	
6,7,8,9	<p><b>Chương 4 Thống kê mức độ hiện tượng kinh tế xã hội</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết (8 tiết)</b></p> <p>4.1 Số tuyệt đối          4.2 Số tương đối          4.3 Các chỉ tiêu đo khuynh hướng tập trung          4.4 Các đặc trưng đo lường độ phân tán</p> <p><b>Làm bài tập trên lớp: (1 tiết)</b>          Làm bài tập tính toán các chỉ tiêu thống kê mức độ hiện tượng</p> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà (18 tiết)</b>          Đọc tài liệu liên quan đến chương 4          Làm bài tập tính toán các chỉ tiêu thống kê mức độ hiện tượng</p>	K1, K3, K6, K7
9,10	<p><b>Chương 5 Điều tra chọn mẫu</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết (3 tiết)</b></p> <p>5.1 Khái niệm và ý nghĩa điều tra chọn mẫu          5.2 Trình tự và nội dung điều tra chọn mẫu</p> <p><b>Làm bài tập trên lớp: (1 tiết)</b>          Làm bài tập về điều tra chọn mẫu</p> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà (8 tiết)</b>          Đọc tài liệu liên quan đến chương 5          Làm bài tập về điều tra chọn mẫu</p>	K1, K7
10, 11, 12, 13, 14	<p><b>Chương 6 Thống kê biến động hiện tượng kinh tế xã hội</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (11 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết (9 tiết)</b></p> <p>6.1 Dãy số biến động theo thời gian          6.2 Chỉ số</p> <p><b>Làm bài tập trên lớp: (2 tiết)</b>          Làm bài tập liên quan đến dãy số biến động theo thời gian và chỉ số</p> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà (22 tiết)</b>          Đọc tài liệu liên quan đến chương 6          Làm bài tập liên quan đến dãy số biến động theo thời gian và chỉ số</p>	K1, K3, K6, K7
14,	<p><b>Chương 7 Phân tích tương quan</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết (4 tiết)</b></p> <p>7.1 Khái niệm          7.2 Hệ số tương quan          7.3 Hệ số tương quan hạng          7.4 Kiểm định hệ số tương quan</p> <p><b>Làm bài tập trên lớp: (1 tiết)</b>          Làm bài tập tính hệ số tương quan và kiểm định hệ số tương quan</p> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà (8 tiết)</b>          Đọc tài liệu liên quan đến chương 7          Làm bài tập tính hệ số tương quan và kiểm định hệ số tương quan</p>	K1, K3, K6, K7

## IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: rộng rãi, hợp lý cho tổ chức thuyết trình theo nhóm
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: đầy đủ máy chiếu, mic, bảng, phấn, giấy A0, bút dạ.
- E-learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Team,...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

## X. Các lần cải tiến đề cương

-Lần 1: 7/ 2019

Cập nhật một số thay đổi, bổ sung theo Tổng cục thống kê

- Lần 2: 7/ 2020

Bổ sung phương pháp giảng dạy, học tập MSTEAM

- Lần 3: 7/ 2021

Rà soát và cập nhật phương pháp đánh giá

- Lần 4: 7/2022

Rà soát và cập nhật tài liệu tham khảo.

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2022

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

Dương Nam Hà

Nguyễn Thị Thu Huyền

**TRƯỞNG KHOA**

## PHỤ LỤC

### THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

#### Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Huyền	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ:
Email: huyenquyet2002@gmail.com	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: email Giảng viên	

#### Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Giang Hương	Học hàm, học vị: Th.S
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ:

Email: gianghuong2510@gmail.com	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: email Giảng viên	

### **Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền Trang	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ:
Email: trangptdl@gmail.com	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: email Giảng viên	

### **Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên: Lê Khắc Bộ	Học hàm, học vị: Th.S
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ:
Email: lkbo@vnua.edu.vn	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: email Giảng viên	